

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG Đ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2018

“V/v xin ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG Đ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé.

2. Ông Đặng Công Kiên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Năm - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị T, sinh năm: 1985. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Thủ L, xã Quảng P, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn:* Anh Phan Dư Tuấn, sinh năm: 1980. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Thủ Lễ 2, xã Quảng P, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 17/5/2018; bản tự khai ngày 15/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày:*

Chị và anh Phan Dư T1 tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng P, huyện Quảng Đ tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 11/02/2007. Quá trình chung sống anh T1 thường xuyên gây sự, xúc phạm gia đình chị. Anh T1 hay cờ bạc qua đêm, thường xuyên đi công tác thiếu quan tâm vợ con. Từ đó, vợ chồng xảy mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã với nhau, hai vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân cũng như

mọi vấn đề khác. Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh T1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung. Cháu Phan Dur P, sinh ngày 01/11/2007 và cháu Phan Ngọc L, sinh ngày 19/01/2010. Nay ly hôn, chị T xin được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T và anh T1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2018; biên bản hòa giải bị đơn anh Phan Dur T1 trình bày:

Anh và chị T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện không có ai bị ép buộc hay bị lừa dối. Quá trình chung sống vợ chồng anh có mâu thuẫn về một số vấn đề nhưng hai vợ chồng không ai nhịn ai nên xảy ra cãi vã. Thỉnh thoảng chị T bực tức và bỏ về nhà bố mẹ của chị để sống, anh có gọi điện nhưng chị không nghe máy dẫn đến bức xúc nên anh có xúc phạm chị T, Ngoài ra vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Nay chị Thoa xin ly hôn thì anh T1 không đồng ý ly hôn với chị T. Anh T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh trở về đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung. Cháu Phan Dur P, sinh ngày 01/11/2007 và cháu Phan Ngọc L, sinh ngày 19/01/2010. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị T và anh không cấp dưỡng nuôi con chung vì thu nhập của anh không ổn định.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa như sau:

-Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do nhưng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

-Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Lý Thị T được ly hôn với anh Phan Dur T1. Về con chung: Giao 02 cháu Phan Ngọc L, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Phan Dur P, sinh ngày 01/11/2007 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành; anh Phan Dur T1 không phải đóng cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị Th và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên Tòa bị đơn là anh Phan Dư T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Về hôn nhân: Chị Lý Thị T và anh Phan Dư T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng P, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 11/02/2007, điều kiện và thủ tục kết hôn đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng được một thời gian thì thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau do bất đồng quan điểm về tình cảm, về các vấn đề khác trong cuộc sống. Nguyên nhân do anh T1 hay chửi bới chị T, cờ bạc qua đêm, thường xuyên đi công tác thiếu quan tâm tới vợ con. Từ đó, giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề của cuộc sống và không còn tình cảm gì với nhau nữa. Như vậy tình trạng vợ chồng chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nghĩ cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của chị Lý Thị T được ly hôn với anh Phan Dư T1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung. Cháu Phan Dư P, sinh ngày 01/11/2007 và cháu Phan Ngọc L, sinh ngày 19/01/2010. Nay ly hôn chị Thoa xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Ngọc L, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Phan Dư Ph, sinh ngày 01/11/2007.

Mặt khác, bị đơn anh T1 có nguyện vọng giao con chung cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyên đơn chị T cũng có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Dư P và cháu Ngọc L có ý kiến xin được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung, cần căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình để giao cháu Dư P và cháu Ngọc L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về việc đóng phí tổn nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 đóng cấp dưỡng nuôi con chung; còn anh T1 trình bày do anh Tuấn không có đủ khả năng nuôi dưỡng nên sẽ không đóng cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lý Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lý Thị T được ly hôn với anh Phan Dư T1.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Giao cháu Phan Ngọc L, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Phan Dư P, sinh ngày 01/11/2007 cho chị Lý Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phan Dư T1 không phải đóng cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Lý Thị T phải chịu án 300.000 đồng án phí ly hôn. Chị Lý Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số AA/2013/002599 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Đ. Chị Lý Thị T đã nộp đủ.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Quảng Đ;
- THA.DS huyện Quảng Đ;
- UBND xã Quảng P;
- Các đương sự .
- Lưu HS;AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Cao Sơn